

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2017/DS-PT

Ngày 25 - 8 - 2017

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2017/TLPT-DS ngày 04 tháng 04 năm 2017, về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Q, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp M, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Duy S, Luật sư của Công ty Luật K thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Trần G, sinh năm 1946; địa chỉ: ấp M, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trịnh Hồng N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thạch Thị V, sinh năm 1952; địa chỉ: ấp M, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị V: Ông Trần G, sinh năm 1946 (Văn bản ủy quyền ngày 14/10/2016).

2. Bà Sơn Thị Ngọc V1, sinh năm 1975

3. Chị Trần Thị Thảo N1, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: ấp M, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị Ngọc V1 và chị Trần Thị Thảo N1: Ông Trần Q, sinh năm 1946 (Văn bản ủy quyền cùng ngày 06/04/2016).

4. Ủy ban nhân dân huyện V; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện V: Ông Từ Minh P, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần G.

(Ông Q, ông G, ông S và bà N có mặt tại phiên tòa; Ủy ban nhân dân huyện V có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2015 và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Trần Q trình bày: Ngày 23/5/1995, tổ Hòa giải ấp M, xã H, huyện V có hòa giải tranh chấp đất giữa ông với ông Trần G và hòa giải thành, ông G và vợ là bà Thạch Thị V đã đồng ý nhận số tiền bồi thường cây trồng trên đất là 208.750 đồng và 10 gia lúa của ông Trần K cho trước đó với lý do trả đất lại cho ông. Năm 1997, ông đã đăng ký quyền sử dụng đất và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T959788 vào ngày 31/8/2001, phần đất tọa lạc tại ấp M, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu thuộc thửa 703, tờ bản đồ số 04, diện tích 3.490 m² (đo đạc thực tế có diện tích 2.192,8m²). Đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Trần D và bà Lâm Thị H, là ông bà ngoại vợ của ông. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông D, bà H cầm cố cho bà Lưu Thị S (là vợ sau của ông Trần K - cha ông G) với giá 40 gia lúa và có hứa khi nào con cháu có điều kiện thì cho chuộc đất. Do vợ chồng ông sống chung với ông D và bà H nên năm 1995 vợ chồng ông đứng ra chuộc lại diện tích đất trên, đã giao đủ lúa và còn trả thêm tiền bồi thường giá trị hoa màu trên đất cho ông G và vợ là bà Thạch Thị V số tiền 208.750 đồng. Sau khi chuộc đất ông D và bà H cho vợ chồng ông diện tích đất này, vợ chồng ông canh tác được hai năm. Năm 1997 ông đi đăng ký kê khai và năm 2001 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi đăng ký kê khai không lâu thì ông G chiếm đất lại sử dụng cho đến nay.

Nay ông yêu cầu ông Trần G phải trả lại phần đất lấn chiếm qua đo đạc thực tế có diện tích 2.192,8m² thuộc thửa 703, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp M, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Đối với yêu cầu của ông Trần G đòi hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đối với diện tích 3.490 m² thuộc thửa 703, tờ bản đồ số 04 là không có căn cứ vì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật nên ông không đồng ý yêu cầu của ông G.

Bị đơn là ông Trần G trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp mà ông đang sử dụng là của ông Trần D và bà Lâm Thị H, nhưng ông D và bà H đã chuyển nhượng cho cha ông là ông Trần K, giao dịch chuyển nhượng từ trước năm 1975, ông không trực tiếp chứng kiến việc chuyển nhượng mà chỉ nghe ông K kể lại. Từ khi nhận chuyển nhượng đất, gia đình ông đã trực tiếp quản lý sử dụng liên tục, ông được ông K giao lại trực tiếp canh tác từ năm 1984, việc cho đất không có văn bản ghi nhận. Đất tranh chấp ông chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguyên nhân là do khi ông nộp đơn xin kê khai đất đều bị cán bộ nhận đơn từ chối mà không nói lý do. Toàn bộ sự việc ông Q cho rằng ông Q đứng ra chuộc đất tranh chấp và giao 40 gia lúa cho ông K và bà S là không có xảy ra, mặc dù thời điểm chuộc đất ông không có ở nhà nhưng sau đó ông không nghe ông K, bà S nói lại và đất do gia đình ông sử dụng liên tục, ông Q không canh tác hai năm sau đó ông chiếm sử dụng như ông Q trình bày. Việc vợ ông có ký nhận tiền là do thiếu hiểu biết và nhầm lẫn việc nhận tiền của địa phương hỗ trợ giống cây trồng cho người dân. Nay đất vẫn do vợ chồng ông trực tiếp quản lý sử dụng, ông không đồng ý với yêu cầu đòi đất của ông Q. Đồng thời, ông yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trần Q đối với diện tích 3.490 m² thuộc thửa 703, tờ bản đồ số 04 vì đây là phần đất của gia đình ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thạch Thị V trình bày: Bà là vợ ông Trần G, bà thống nhất với nội dung trình bày của ông G trong việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Trần Q. Đối với việc bà ký tên nhận số tiền 208.750 đồng là do bà nghĩ địa phương hỗ trợ giống cây trồng cho gia đình bà, bà không nghĩ việc nhận tiền hỗ trợ giống lại phát sinh nghĩa vụ trả đất cho ông Q.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện V trình bày: Hộ ông Trần Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2001, theo quy định việc cấp giấy cho hộ phải có danh sách kèm theo nhưng trong hồ sơ cấp giấy cho ông Trần Q không có danh sách hộ kèm theo là có sai sót. Tuy nhiên, về mặt trình tự thủ tục vẫn đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Đất đai năm 1993. Từ khi hộ ông Q được cấp giấy thì chưa có ai khiếu nại hành chính về việc cấp giấy cho hộ ông Trần Q.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Q số T959788, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00190 QSDĐ/80/1999, ngày 31/8/2001 là không có khảo sát, đo đạc diện tích đất mà chỉ trích lục từ bản đồ địa chính thành lập năm 1997. So với diện tích thực tế đo đạc hiện nay sau khi đo đạc có chênh lệch với nhau, cụ thể đất tranh chấp bị thu hẹp lại, nguyên nhân là do quá trình sử dụng đất có sự thay đổi ranh giới giữa các hộ giáp ranh, đồng thời diện tích đất đang tranh chấp cũng chịu ảnh hưởng do vị trí nằm tiếp giáp với kênh xáng Bạc Liêu – Cà Mau, qua nhiều lần nạo vét kênh sẽ làm giảm diện tích đất tranh chấp nên mới có diện tích như hiện nay.

Liên quan đến yêu cầu của ông Trần G về việc hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Q tại thửa 703, tờ bản đồ số 04 thì Ủy ban nhân dân có ý kiến: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông

Trần Q đảm bảo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định nên không đồng ý hủy theo yêu cầu của ông G.

Từ những nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009; Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Q đối với ông Trần G về việc đòi lại quyền sử dụng đất.

Buộc ông Trần G và bà Thạch Thị V trả lại cho hộ ông Trần Q diện tích 2.192,8 m², nằm tại thửa 703, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp M, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu do hộ ông Trần Q đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có số đo, vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp với phần đất bà Thạch Thị C có số đo 42,5m;
- Hướng Tây giáp với phần đất bà Thạch Thị P có số đo 43,5m;
- Hướng Nam giáp với bờ kênh xáng Bạc Liêu – Cà Mau (cách mé kênh 17m) có số đo 51 m;
- Hướng Bắc giáp với phần đất do Ủy ban nhân dân xã H quản lý có số đo 51 m.

2/. Buộc ông Trần G và bà Thạch Thị V tháo dỡ, di dời các tài sản trên đất để trả lại cho hộ ông Trần Q và bà Sơn Thị Ngọc V1 gồm: 01 chòi lá diện tích 4,6m x 5,1m = 23,46 m². Kết cấu cột bê tông, nền đất, vách lá, cột bê tông cao 02m đỡ máy cây gỗ địa phương, mái lá (không định giá được do không có quy định).

Giao cho ông Trần Q 01 cây nước pi 49. Ông Trần Q có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cho ông Trần G số tiền 3.720.000 đồng (Ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

3/. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần G hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Q tại thửa 703, tờ bản đồ số 04 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 30/8/2001.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp, án phí và áp dụng các Điều 2, 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 02 năm 2017, bị đơn ông Trần G kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Q về việc đòi lại quyền sử dụng đất diện

tích 2.192,8 m², tại thửa 703, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp M, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Đồng thời ông G yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của ông về việc hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Q tại thửa 703, tờ bản đồ số 04 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 30/8/2001.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần G giữ nguyên kháng cáo.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ông Q và ông G đều thừa nhận đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Trần D và bà Lâm Thị H, đây là sự kiện được các bên đương sự thống nhất thừa nhận nên là chứng cứ không phải chứng minh. Ông Q đã đứng ra chuộc lại đất từ ông Trần K và ông Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông G cho rằng cha ông là ông Trần K đã nhận chuyển nhượng phần đất tranh chấp từ ông Trần D và ông đã được cha ông cho phần đất tranh chấp nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh và ông Q không thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông G. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ y án sơ thẩm, bác kháng cáo của ông G.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Ông Q cho rằng đất tranh chấp của ông Trần D và bà Lâm Thị H cổ cho ông Trần K và bà Lưu Thị S, đến năm 1995 ông Q đứng ra chuộc lại đất nhưng ông Q không có chứng cứ thể hiện có việc cầm cố đất. Căn cứ ông Q đưa ra để chứng minh có việc chuộc đất là Biên bản hòa giải ngày 23/5/1995 nhưng văn bản này không có bản gốc, ông Thạch G qua xác minh của Tòa án đã xác định không tham gia buổi hòa giải nên Biên bản này không được xem là chứng cứ. Trong khi đó ông G đã sử dụng đất cách nay khoảng 40 năm không tranh chấp, các nhân chứng của ông G là bà Thạch Thị P và Thạch Thị C cũng khẳng định ông G sử dụng phần đất này, ông Q không sử dụng đất tranh chấp. Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Q là không đúng quy định vì khi cấp giấy cho ông Q thì ông G là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất, tại Công văn của Ủy ban nhân dân huyện V thừa nhận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q là có sai sót, không đo đạc thực tế, chỉ cấp theo kê khai. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông G, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi diện tích đất 2.192,8 m², nằm tại thửa 703, tờ bản đồ số 04 và chấp nhận yêu cầu của bị đơn hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Q đối với diện tích đất tranh chấp.

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn cho rằng đất thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn vì đã được ông Trần D và bà Lâm Thị H tặng cho nhưng không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc tặng cho, cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề tặng cho đất, cần xác minh hàng thừa kế của ông D, bà H để xác định tư cách tham gia tố tụng của ông Q. Ngoài ra, nếu đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả đất trong khi bị đơn đã sử dụng đất thời gian tương đối lâu dài nhưng cấp sơ thẩm không xem xét đến công sức cải tạo, giữ gìn, nâng giá trị đất cho bị đơn là thiệt thòi quyền lợi cho bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét căn cứ yêu cầu đòi đất của ông Trần Q đối với ông Trần G: Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/5/2016 (Bút lục 96-97) và Mảnh trích đo địa chính số 2-2016 ngày 22/6/2016 (Bút lục 105), có cơ sở xác định đất tranh chấp theo yêu cầu của ông Trần Q đối với ông Trần G có diện tích thực tế là 2.192,8m², đất thuộc thửa 703, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp M, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Về nguồn gốc đất tranh chấp các bên đương sự đều thống nhất xác định đất có nguồn gốc của ông Trần D và bà Lâm Thị H. Theo ông Trần Q xác định ông D và bà H là ông bà ngoại vợ của ông, ông D và bà H có phần đất tranh chấp cho bà Lưu Thị S và có hứa con cháu ai có tiền thì chuộc. Do vợ chồng ông sống chung với ông D và bà H nên năm 1995 vợ chồng ông đứng ra chuộc lại diện tích đất trên, đã giao đủ 40 gia lúa cho ông Trần K, bà Lưu Thị S và còn trả thêm tiền bồi thường giá trị hoa màu trên đất cho ông G và vợ là bà Thạch Thị V số tiền 208.750 đồng, vợ chồng ông đã được ông D và bà H cho phần đất này, đến năm 2001 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có bao gồm diện tích đất tranh chấp.

Theo ông Trần G thì ông đã sử dụng phần đất này cách nay khoảng 40 năm không tranh chấp, ông không thừa nhận có sự việc cầm cố và chuộc đất như ông Q trình bày, phần đất tranh chấp đã được ông Trần K là cha ruột của ông mua của ông Trần D từ trước năm 1975, ông không thừa nhận việc nhận tiền bồi thường hoa màu trên đất vì cho rằng vợ ông nhận số tiền 208.750 đồng do hiểu lầm là tiền Nhà nước hỗ trợ giống cây trồng cho người dân.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Q cho rằng đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông do ông được ông D, bà H tặng cho nhưng chính ông Q

thừa nhận sự việc tặng cho chỉ nói miệng, không lập thành văn bản. Ông Q xác định ông D và bà H chỉ có hai người con là bà Trần Thị Phai – mẹ vợ của ông Q và 01 người còn lại không biết họ tên và địa chỉ cụ thể. Nhưng qua xác minh của Tòa án, bà Trần Thị Phai xác định ông D và bà H có tất cả 05 người con gồm 02 người con riêng của ông D, 02 người con riêng của bà H và bà Phai là người con chung duy nhất. Các lời khai của ông Q và bà Phai có mâu thuẫn và chưa được chính quyền địa phương xác nhận, cần xác định hàng thừa kế của ông D bà H để xác định ông Q có đủ tư cách khởi kiện đòi phần đất có nguồn gốc của ông D, bà H hay không.

Ngoài ra, ông Q thừa nhận hiện trạng đất tranh chấp có thay đổi so với thời điểm năm 1995 rất nhiều và giá trị đất được nâng lên, ông Q đồng ý trả giá trị công sức cho ông G theo quy định của pháp luật, vấn đề này chưa được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết nên cấp phúc thẩm không thể xem xét, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông G. Trường hợp có căn cứ buộc ông G trả đất cho ông Q cần phải xem xét công sức gìn giữ, tu bổ, cải tạo nâng giá trị đất của ông G theo quy định của pháp luật.

Do đó, việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm chưa đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến đề xuất của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, giao toàn bộ hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] Án phí và chi phí đo đạc, định giá tài sản:

Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí đo đạc, định giá tài sản sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Trần G không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

1/. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2/. Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản tranh chấp và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi thụ lý giải quyết lại vụ án.

3/. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần G không phải chịu. Ông G đã nộp tạm ứng án phí 200.000 đồng theo biên lai thu số 0009002 ngày 07/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V được hoàn lại.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện V (01 bản);
- CCTHADS huyện V (01 bản);
- Các đương sự (07 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt

